

Số: 13 /2021/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 21 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Trịnh Xuân N - Sinh năm: 1978. Trú tại địa chỉ: số M Nguyễn Thiện K, phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng.

Bà Trần Thị T - Sinh năm: 1982. Trú tại địa chỉ: số M Nguyễn Thiện K, phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2007, tại UBND phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2007. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T xác nhận: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, từ đó đến nay không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay về tình cảm ông N và bà T xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông N và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông N và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông N và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Khánh L – sinh ngày: 22/02/2010 và Trịnh Thị Khánh L, sinh ngày 07/01/2014. Ly hôn bà T và ông N thống nhất giao hai con cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con của ông bà là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông N và bà T xác định không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng, ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0006530 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Khánh L – sinh ngày: 22/02/2010 và Trịnh Thị Khánh L, sinh ngày 07/01/2014. Ly hôn bà T và ông N thống nhất giao hai con cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Ông N và bà T xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông N và bà T xác định không có nợ chung.

**2.** Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Trịnh Xuân N và bà Trần Thị T mỗi người phải chịu 150.000.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông bà đã nộp tại biên lai thu số 0006530 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải Đ
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

***ĐÃ KÝ***

**DƯƠNG THỊ KIM NHUNG**